

Bản án số: 85/2021/DS-ST

Ngày: 08/11/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Mỹ Oanh

2. Ông Lâm Viên Đức

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Vũ, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:** Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa 54/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021, Thông báo dời phiên tòa số 60/2021/TB-TA ngày 22/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 73/TBTA ngày 13/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TT; địa chỉ: lầu 8, số 266-268 đường NK, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh,;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962; địa chỉ: 970 đường H, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 405/2020/GUQ-CNQ11 ngày 22/12/2020 (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H; sinh năm: 1991; địa chỉ: 1060 đường B, Phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận được ngày 30/12/2020, các bản tự khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C là đại diện hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 29/3/2018 Ngân hàng TMCP TT có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) với ông Nguyễn Hữu H, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất

trong hạn là 2,15%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ ông H đã thực hiện tổng giao dịch với số tiền là: 99.860.650 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 84.319.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không thanh toán đủ số nợ cho Ngân hàng.

Ngày 28/2/2019 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP TT yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP TT với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/11/2021 là: 40.167.739 đồng (Bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 19.166.299 đồng, lãi quá hạn tính đến 08/11/2021 là 21.001.440 đồng. Ông Nguyễn Hữu H phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu H :* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu H không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP TT.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện thỏa thuận. Việc ông Nguyễn Hữu H không thực hiện việc trả nợ đúng kỳ hạn là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Hữu H phải trả cho Ngân hàng TMCP TT với số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, ông Nguyễn Hữu H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo sau khi xét xử cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP TT và ông Nguyễn Hữu H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là Ông Nguyễn Hữu H có nơi cư trú cuối cùng là Quận 11, nên căn cứ theo Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

* *Về người tham gia tố tụng*: Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu nguyên đơn:

Về khoản nợ gốc: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn cung cấp: Ngày 29/3/2018 ông Nguyễn Hữu H có ký với Ngân hàng TMCP TT hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông H đã sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank để thanh toán các khoản giao dịch với tổng tiền là 99.860.650 đồng, do đó xác định đây là hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng mà ông H đã ký kết với ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua các bảng sao kê ngày 02/7/2021, 08/11/2021 đã thể hiện ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 84.319.000 đồng. Do từ ngày 31/10/2018 đến ngày 28/2/2019 ông H đã liên tục 04 tháng không thanh toán nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng và chuyển sang nợ quá hạn và lần cuối cùng thanh toán vào ngày 31/10/2018 đến nay thì ông H không thanh toán nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 28/2/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Hội đồng xét xử căn cứ vào Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: “ Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn” xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 19.166.299 chót đến ngày 28/2/2019 qua các bảng sao kê ngày 02/7/2021, 08/11/2021 và bản tự khai ngày 04/11/2021 là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét về lãi vay: Ngày 29/3/2018 bị đơn ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và đồng ý mức lãi suất theo Quyết định số 96/2018/QĐ-TTT ngày 11/01/2018 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ SK phát hành tại Việt 2,15% của Ngân hàng TMCP TT; Ngày 25/3/2012 bị đơn đã vi phạm lịch trả trả nợ căn cứ vào Điều 23 của Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

quốc tế do Ngân hàng TMCP TT ban hành đã quy định việc chuyển nợ quá hạn “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng....Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ số nợ;

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ...”; Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBNH-NHNN ngày 24/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, buộc ông H thanh toán số tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc tính đến ngày 08/11/2021 là 21.001.440 đồng (theo bảng tính lãi ngày 08/11/2021) và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Hữu H phải trả cho Ngân hàng TMCP TT số tiền với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/11/2021 là: 40.167.739 đồng (Bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 19.166.299 đồng, lãi quá hạn tính đến 08/11/2021 là 21.001.440 đồng. Ngoài ra còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.008.387 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 814.636 (tám trăm mười bốn nghìn, sáu trăm ba mươi sáu) đồng cho Ngân hàng TMCP TT theo biên lai số AG/2016/0052678 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBNH-NHNN ngày 24/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP TT, buộc ông Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP TT số tiền nợ tính đến ngày 08/11/2021 là 40.167.739 đồng (bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 19.166.299 đồng, lãi quá hạn tính đến 08/11/2021 là 21.001.440 đồng.

Ông Nguyễn Hữu H phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 09/11/2021 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 29/3/2018 được ký kết giữa ông Nguyễn Hữu H và Ngân hàng TMCP TT.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.008.387 đồng (hai triệu không trăm lẻ tám nghìn, ba trăm tám mươi bảy) đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 814.636 (tám trăm mười bốn nghìn, sáu trăm ba mươi sáu) đồng cho Ngân hàng TMCP TT theo biên lai số AA/2019/00052678 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Thu Thủy

